

Số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 29-5-2024

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga

Ông Vũ Việt Cẩm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp kiện đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Trú tại: số nhà B, tổ A, ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1993

Địa chỉ: số B, đường D, tổ I, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền công chứng tại Văn phòng C)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1990

Trú tại: số nhà E, tổ A, ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty T2

Địa chỉ: tầng G, 8 và 10, Tòa nhà phụ nữ, số B, đường N, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Ông Vũ Văn T1 – Luật sư Văn phòng L thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

(ông M, bà A, ông T1 có mặt tại phiên tòa; Công ty T2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh M trình bày:

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 bà T đến đại lý xe H1 tại khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Doanh nghiệp tư nhân H2) để mua 01 (một) xe mô tô hiệu Honda AirBlade. Để có tiền mua xe thì bà T làm thủ tục mua xe trả góp, ký kết hợp đồng tín dụng số 4201266643 ngày 08/3/2022 với Công ty T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) với số tiền vay là 55.144.000 đồng. Việc bà T mua xe mô tô Honda AirBlade trên có hóa đơn mua bán, bà T thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ và đã được Công an huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký xe số 60008977 ngày 09/3/2022 với biển số xe là 60B9-741.08. Khi biết bà T mới mua xe thì bà Nguyễn Thị Ngọc A có nhu cầu cần phương tiện để đi làm mà chưa có nên bà Ngọc A có mượn bà T xe mô tô trên. Khi mượn xe thì bà Ngọc A cam kết khi nào có khả năng mua xe mới sẽ trả lại xe nên bà T đồng ý. Khoảng vài tháng sau thì bà T phát hiện ra bà Ngọc A đã mua xe mới nên bà T đòi lại bà Ngọc A xe mô tô nói trên thì bà Ngọc A nói đã bán xe rồi và không đồng ý trả. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu bà Ngọc A phải trả lại cho bà T xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 60B9-741.08 và bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án xác định được bà Ngọc A đã bán xe cho người khác, đồng thời bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe hiện Công ty T2 đang giữ nên bà T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngọc A phải trả lại cho bà T số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Bà Ngọc A không đồng ý với trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết . Bà Ngọc A cần phương tiện để đi làm nhưng không đủ tiền mua xe, chỉ có khả năng vay mua xe trả góp. Tuy nhiên do làm mất giấy tờ tùy thân nên bà Ngọc A không thể đứng tên hợp đồng vay để mua xe được. Thời điểm đó bà có quen ông Nguyễn Tiến Q là em trai ruột của bà T nên bà Ngọc A nhờ bà T đứng tên hợp đồng vay mua xe trả góp thì bà T đồng ý. Do bà T đứng tên hợp đồng tín dụng vay mua xe trả góp với Công ty T2 nên bà T đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 60B9-741.08. Khi nhờ bà T đứng hợp đồng tín dụng để mua dùm xe thì bà Ngọc A có cam kết với bà T việc bà Ngọc A sẽ là người trả số tiền vay hàng tháng cho Công ty T2 đồng thời bà T đã giao xe cho bà Ngọc A sử dụng. Tổng cộng bà Ngọc A đã trả cho công ty T2 được 04 kỳ với số tiền mỗi tháng là 3.256.000 đồng. Do cần tiền nên bà Ngọc A đã bán xe mô tô trên cho một người bạn tên H với số tiền là 25.000.000 đồng, tuy nhiên bà Ngọc A không nhớ rõ họ tên cụ thể. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Ngọc A trả lại số tiền 54.000.000 đồng thì bà Ngọc A không đồng ý vì bà Ngọc A chưa có tiền trả.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 4201266643 bằng hình thức cho vay trả góp ngày 08 tháng 3 năm 2022 với số tiền 55.144.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng. Tính đến ngày 05/3/2022 thì bà T đã thanh toán cho Công ty được 04 kỳ với số tiền mỗi tháng là 3.256.000 đồng. Kể từ ngày 08/8/2022 bà T chậm thanh toán dẫn đến việc khoản vay đã quá hạn. Hiện bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 60B9-741.08 Công ty đang giữ để đảm bảo khách hàng vay thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán và sẽ trả lại cho khách hàng sau khi tất toán khoản vay theo quy định tại Hợp đồng. Đối với khoản vay của bà T tuy đã quá hạn nhưng Công ty không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án này. Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa khi tham gia tranh luận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T – luật sư Vũ Văn T1 trình bày:

Việc bà Ngọc A trình bày nhờ bà T đứng tên dùm trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu AirBlade biển số 60B9-741.08 là không có căn cứ. Bà Ngọc A sau khi sử dụng xe mô tô này đã bán cho người khác, việc này ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà Ngọc A phải trả lại cho bà T số tiền 54.000.000 đồng.

Tại phần tranh luận bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Việc bà Ngọc A nhờ bà T đứng tên hợp đồng tín dụng và giấy chứng nhận đăng ký xe là đúng sự thật. Do xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 60B9-741.08 bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng nên bà có quyền bán cho người khác, việc này không ảnh hưởng đến bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc A trả lại cho bà T số tiền bà T đã mua xe mô tô hiệu AirBlade biển số 60B9-741.08 là 54.000.000 đồng (theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0018678 ngày 08/3/2022 của Doanh nghiệp tư nhân H2) là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Bà Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A hiện đang cư trú tại ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc A trả lại xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 60B9-741.08. Tuy nhiên sau khi xác định được xe này bà Ngọc A đã bán cho người khác nên bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Ngọc A trả lại số tiền bà T đã mua chiếc xe trên. Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp về kiện đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại”.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T ký kết hợp đồng tín dụng để mua xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 60B9-741.08 hình thức trả góp với Công ty T2 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe số 60008977 ngày 09/3/2022. Bà Nguyễn Thị T trình bày bà Nguyễn Thị Ngọc A có nhu cầu sử dụng nên đã mượn xe để làm phương tiện đi lại và cam kết khi nào mua được xe mới sẽ trả lại cho bà T. Đến khi bà Ngọc A mua xe mới thì bà T đòi lại xe nhưng bà Ngọc A không đồng ý trả. Bà Ngọc A trình bày do bà Ngọc A không thể đứng tên hợp đồng vay để mua xe trả góp được nên nhờ bà T đứng tên hợp đồng vay và giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau đó thì bà Ngọc A đã sử dụng xe được một thời gian nhưng do kẹt tiền nên bà Ngọc A đã bán xe cho người khác. Bà T yêu cầu bà Ngọc A trả lại xe mô tô trên nhưng do bà Ngọc A đã bán rồi nên không trả lại xe được. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngọc A trả lại xe mô tô Honda AirBlade biển số 60B9-741.08 và bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Ngọc A trả lại số tiền mua xe là 54.000.000 đồng.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T trình bày bà T có ký kết hợp đồng tín dụng để mua mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 60B9-741.08 hình thức trả góp với Công ty T2 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe số 60008977 ngày 09/3/2022. Lời trình bày này của bà T phù hợp với trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty T2 và các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án như hồ sơ kê khai đăng ký đối với xe mô tô Honda AirBlade biển số 60B9-741.08 do Công an huyện V cung cấp; hợp đồng tín dụng số 4201266643 ngày 08 tháng 3 năm 2022 được giao kết giữa bà T và Công ty T2 do phía Công ty cung cấp; hóa đơn giá trị gia tăng số 0018678 ngày 08/3/2022 của Doanh nghiệp tư nhân H2. Do đó đủ cơ sở khẳng định bà T là chủ sở hữu hợp pháp đối với xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 60B9-741.08. Việc bà Ngọc A cho rằng nhờ bà T đứng tên mượn để mua xe mô tô nhưng không có giấy tờ, tài liệu gì chứng minh nên lời trình bày này của bà Ngọc A là không có cơ sở. Ngoài ra bà Ngọc A thừa nhận rằng bà Ngọc A được bà T giao xe mô tô trên để sử dụng

nhưng sau đó đã bán xe mô tô này cho người khác. Việc này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu xe là bà T. Ban đầu bà T khởi kiện yêu cầu bà Ngọc A trả lại xe mô tô Honda AirBlade biển số 60B9-741.08 và bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án xác định được bà Ngọc A không còn trực tiếp sử dụng, quản lý xe còn bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe hiện đang do Công ty T2 giữ. Vì vậy bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Ngọc A bồi thường lại số tiền đã mua xe là 54.000.000 đồng. Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0018678 ngày 08/3/2022 của Doanh nghiệp tư nhân H2 (bút lục 17) thể hiện giá trị xe mô tô trên là 54.000.000 đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về các vấn đề khác: Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị T tại Công ty T2 Công ty có văn bản trình bày không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.700.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Quan điểm tranh luận của bà Nguyễn Thị Ngọc A không phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 166, 168, 170 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc A chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.325.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005612 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T; bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Vĩnh Cửu;
- CC.THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tấn Phát

CÁC HỘI THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

